

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Thực hiện Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện đề tài, mô hình, chương trình đào tạo, tập huấn và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông thôn mới thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách Trung ương.

a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học có ảnh hưởng tới phạm vi toàn quốc và các vùng kinh tế nông nghiệp theo quy định tại khoản 1,2,3 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 27/QĐ-TTg);

b) Hỗ trợ xây dựng một số dự án mô hình trình diễn nông thôn mới có tính chất vùng, miền về nông thôn mới trên cơ sở áp dụng các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg để từ đó tổ chức nhân rộng trên phạm vi cả nước;

c) Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ nhằm nâng cao năng lực nắm bắt, ứng dụng khoa học và công nghệ cho các đối tượng có liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới (đặc biệt là cán bộ chuyển giao công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới) đến cấp tỉnh;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông thôn mới phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới (không trùng lặp với các nội dung đã được đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới) theo quy định tại khoản 6 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg.

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương, nguồn tài trợ quốc tế, của các doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác nông nghiệp và các nguồn vốn hợp tác khác.

a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu của địa phương theo quy định tại khoản 1,2,3 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg;

b) Hỗ trợ xây dựng một số dự án mô hình trình diễn về nông thôn mới trên cơ sở áp dụng các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg để từ đó tổ chức nhân rộng trên phạm vi địa phương;

c) Triển khai nhân rộng mô hình trình diễn về nông thôn mới trên cơ sở kết quả mô hình nông thôn mới do ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện trên địa bàn địa phương;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông thôn mới tại địa phương;

đ) Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực nắm bắt, ứng dụng khoa học và công nghệ cho các đối tượng có liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới (đặc biệt là đội ngũ cán bộ chuyển giao công nghệ địa phương, nông dân và doanh nghiệp).

Điều 3. Điều kiện thực hiện đề tài, mô hình của Chương trình

1. Đối tượng và điều kiện thực hiện đề tài

a) Đối tượng: Các đề tài nghiên cứu khoa học theo nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Mục II, Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg.

b) Điều kiện thực hiện đề tài:

- Có địa chỉ tiếp nhận sản phẩm của đề tài (bao gồm cả đề tài cơ chế, chính sách);

- Đăng ký công bố bài báo trên Tạp chí Khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành, hoặc Tạp chí Khoa học công nghệ nước ngoài (đối với đề tài do ngân sách Trung ương hỗ trợ); Đăng ký công bố bài báo trên Tạp chí khoa học và công nghệ của Bộ, ngành; hoặc Tạp chí Khoa học công nghệ nước ngoài; hoặc Tạp chí khoa học thuộc địa phương quản lý (đối với đề tài do Ngân sách địa phương hỗ trợ).

2. Đối tượng và điều kiện thực hiện dự án mô hình:

a) Đối tượng: Các mô hình triển khai nội dung quy định tại khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg;

b) Điều kiện đơn vị thực hiện dự án mô hình:

- Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc dự án mô hình cần triển khai theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí); UBND cấp tỉnh (đối với các dự án do ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí);

- Cam kết đầu tư vốn cho dự án mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật mô hình theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí); UBND cấp tỉnh (đối với các dự án do ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí).

Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư thực tế của chủ dự án mô hình.

Điều 4. Nội dung và mức chi đề tài nghiên cứu khoa học

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT- BTC-BKHCN ngày 7/5/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-KHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 5. Nội dung, mức hỗ trợ triển khai mô hình

1. Hỗ trợ thực hiện dự án mô hình tổ chức xã hội nông thôn mới; dự án mô hình thí điểm áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù trong đầu tư xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn mới: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện dự án mô hình theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Hỗ trợ thực hiện dự án mô hình quy hoạch, kiến trúc nông thôn mới; dự án mô hình ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo để xây dựng nông thôn mới; dự án mô hình quản lý môi trường nông thôn mới; dự án mô hình nông nghiệp xanh.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện dự án mô hình theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành (không bao gồm nhà xưởng), phần kinh phí còn lại sẽ do các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác hỗ trợ, người hưởng lợi từ mô hình đóng góp.

3. Hỗ trợ thực hiện dự án mô hình bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa; dự án mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiêu kết hợp với các biện pháp canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí mê tan và hiệu ứng nhà kính; dự án mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa nông nghiệp: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện dự án mô hình theo phân cấp hiện hành (không bao gồm nhà xưởng), phần kinh phí còn lại sẽ do các tổ chức, người hưởng lợi từ thực hiện dự án mô hình đóng góp.

4. Quy mô dự án mô hình, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung hỗ trợ của từng loại dự án mô hình quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các mô hình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện); UBND cấp tỉnh (đối với các dự án mô hình do UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện).

5. Chi quản lý dự án mô hình: đơn vị triển khai thực hiện mô hình được chi không quá 3% dự toán (phần ngân sách hỗ trợ) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện mô hình.

Điều 6. Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn

1. Chi biên soạn và in tài liệu mẫu phục vụ đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ chuyên giao công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới: áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

2. Chi đào tạo, tập huấn:

a) Đối tượng: cán bộ chuyên giao công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; nông dân và doanh nghiệp.

b) Nội dung chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn: chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp lớp học; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật; chi cho học viên: hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: khai giảng, bế giảng, tiền y tế cho lớp học.

c) Mức hỗ trợ: